

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2021
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương M và ông Đỗ Quang H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX/HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1983;

HKTT: Thôn S, xã Q, huyện P, thành phố Hà Nội.(có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1978;

HKTT: Thôn S, xã Q, huyện P, thành phố Hà Nội (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị với anh Đinh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào tháng 01 năm 2002 tại UBND xã Q. Sau khi cưới, chị về chung sống ngay với anh Tình tại thôn S, xã Q, huyện P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính, anh Tình thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, nên đến tháng 10/2019 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã M, huyện P sinh

sống và ly thân anh từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, chị đề nghị được ly hôn anh T.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Chí N sinh ngày 23/8/2009 và Đinh Văn L sinh ngày 14/4/2004, hiện các cháu đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không đề nghị anh T. cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Không có, Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn, anh Đinh Văn T vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết việc kiện.

Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị T giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện.

Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T. Giao chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Không xét quan hệ tài sản chung vợ chồng. Chị T phải chịu án phí ly hôn, theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo qui định tại điều 227, 228 Bộ luật TTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về Nội dung:

Về Hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đinh Văn T1 có quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, thể hiện bằng việc họ đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P vào ngày 23/01/2002. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nên đến tháng 10/2019, thì chị T đã chuyển về quê ở xã M, huyện P sinh sống và ly thân anh T1 từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết việc kiện, anh T không về Tòa làm việc, song theo bà Hoàng Thị T1 (mẹ đẻ anh T2) cũng xác nhận, giữa chị T3 và anh T4 đã thực sự chấm dứt tình cảm vợ chồng trong

suốt hơn 03 năm qua, nhưng do anh T5 là người công giáo, theo đó, nam nữ đã kết hôn thì không được ly hôn, do vậy, anh T6 không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa xử cho anh chị ly hôn, thì anh cũng không ý kiến gì. Mặt khác, quá trình giải quyết việc kiện, Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa để hòa giải đoàn tụ, song anh T1 vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh T2 cũng không có thiện chí về đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 cháu là Đinh Văn L sinh ngày 14/4/2004 và Đinh Chí N sinh ngày 23/8/2009. Các cháu đang ở cùng chị T. Xét yêu cầu của chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, con chung, bản thân các con của anh chị cũng mong muốn được chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, nên HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị T2 và các cháu, giao con chung cho chị T3 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các quy định của điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên Tòa tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T1 không có quan điểm, nên Tòa không xét trong vụ án này. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp và nếu có yêu cầu thì giành quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T

- *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đinh Văn T1.

- **Về con chung:** Giao con chung là các cháu Đinh Chí N sinh ngày 23/8/2009 và Đinh Văn L sinh ngày 14/4/2004 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng

Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0047539 ngày 11/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện P
- Chi cục THA huyện P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Q

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

